ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀ XUÂN TÂY

Biểu số 116/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	**12.360.539**	**TỔNG SỐ CHI**	**11.364.078**
I. Các khoản thu phường hưởng 100%	1.215.289	I. Chi đầu tư phát triển	124.402
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	549.059	II. Chi thường xuyên	10.280.966
III. Thu bổ sung	9.834.283	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách phường sang năm sau (nếu có)	958.710
- Bổ sung cân đối	3.642.000		
- Bổ sung có mục tiêu	6.192.283		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	753.655	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
V. Thu viện trợ			
VI. Các khoản thu khác	8.253		
VII. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách phường (nếu có)			
Kết dư ngân sách	**996.461**		

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀ XUÂN TÂY

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**8.850.655**	**8.022.655**	**13.759.233**	**12.360.539**	**155,46**	**154,07**
I	**Các khoản thu 100%**	**1.248.000**	**1.248.000**	**1.215.289**	**1.215.289**	**97,38**	**97,38**
	Phí, lệ phí	70.000	70.000	28.044	28.044	40,06	40,06
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	378.000	378.000	562.759	562.759	148,88	148,88
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	150.000	150.000	41.766	41.766	27,84	27,84
	Thu khác	650.000	650.000	582.720	582.720	89,65	89,65
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**1.143.000**	**315.000**	**1.947.753**	**549.059**	**170,41**	**174,30**
1	Các khoản thu phân chia	144.000	102.000	203.223	142.256	141,13	139,47
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	15.000	11.000	17.363	12.155	115,75	110,50

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			22.408	15.685		
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	58.000	41.000	57.650	40.355	99,40	98,43
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	71.000	50.000	105.802	74.061	149,02	148,12
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	999.000	213.000	1.744.530	406.803	174,63	190,99
	Thu ngoài quốc doanh	474.000	142.000	907.546	272.264	191,47	191,74
	Thuế thu nhập cá nhân	525.000	71.000	836.984	134.539	159,43	189,49
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**						
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**	**753.655**	**753.655**	**753.655**	**753.655**	**100,00**	**100,00**
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**5.706.000**	**5.706.000**	**9.834.283**	**9.834.283**	**172,35**	**172,35**
	Thu bổ sung cân đối	3.642.000	3.642.000	3.642.000	3.642.000	100,00	100,00
	Thu bổ sung có mục tiêu	2.064.000	2.064.000	6.192.283	6.192.283	300,01	300,01
VII	**Các khoản thu khác**			**8.253**	**8.253**		
	Thu hồi các khoản chi năm trước			8.253	8.253		

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HÒA XUÂN TÂY

Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**8.022.655**	**366.138**	**7.576.348**	**11.364.078**	**124.402**	**10.280.966**	**141,65**	**33,98**	**135,70**
	Trong đó									
1	Chi đầu tư XDCB	366.138	366.138		124.402	124.402		33,98	33,98	
2	Chi văn hóa, thông tin	102.000		102.000	71.966		71.966	70,55		70,55
3	Chi phát thanh, truyền thanh	37.000		37.000	36.990		36.990	99,97		99,97
4	Chi thể dục thể thao	32.000		32.000	25.233		25.233	78,85		78,85
5	Chi bảo vệ môi trường	37.000		37.000	37.121		37.121	100,33		100,33
6	Chi các hoạt động kinh tế	371.000		371.000	890.390		890.390	240,00		240,00
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.956.000		4.956.000	6.571.017		6.571.017	132,59		132,59
8	Chi cho công tác xã hội	203.000		203.000	203.950		203.950	100,47		100,47
9	Chi an ninh quốc phòng	1.066.000		1.066.000	1.126.573		1.126.573	105,68		105,68

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
10	Chi khác	478.348		478.348	457.348		457.348	95,61		95,61
11	Dự phòng	0		0	0		0			
12	Chi sự nghiệp Chương trình MTQG (giảm nghèo)	294.000		294.000	860.378		860.378	292,65		292,65
13	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	80.169		0	958.710			1.195,86		

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀ XUÂN TÂY

Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/01/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2024			
					Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp				Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**5.126.814**	**568.230**	**124.402**	**124.402**	**0**	**82.636**	**41.766**
1. Công trình chuyển tiếp		**5.126.814**	**568.230**	**124.402**	**124.402**	**0**	**82.636**	**41.766**
Trụ sở HĐND-UBND xã Hoà Xuân Tây. Hạng mục: Sân bê tông, cổng phụ	2013	357.642	0	78.335	78.335	0	78.335	0
Xây dựng nhà văn hoá và khu thể thao thôn Thạch Chẩm	2018-2019	1.105.228	110.523	4.301	4.301	0	4.301	0
Xây dựng nhà văn hoá và khu thể thao khu phố Nam Bình 1	2020	1.102.139	110.214	6.253	6.253	0	0	6.253
Cổng, tường rào và khu vệ sinh nhà văn hoá thôn Nam Bình 2	2019-2020	559.838	55984	940	940	0	0	940
Cổng, tường rào nhà văn hoá thôn Phước Lương	2019	239.674	23.967	1.884	1.884	0	0	1.884
Cổng, tường rào nhà văn hoá thôn Bàn Nham Nam	2019	179.779	17.978	1.522	1.522	0	0	1.522

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/01/2025	Giá trị đã thanh toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Kiên cố hoá đường GTNĐ phường Hoà Xuân Tây, tuyến đường: Từ Gò Hộ đi Đồng Lão khu phố Nam Bình 1 (do HTX DVNNTH Hoà Xuân Tây 1 quản lý khai thác)	2020	273.486	67.106	26.755	26.755	0	0	26.755
Kiên cố hoá kênh mương thôn Nam Bình 2. Tuyến kênh: Kênh mương từ mương Thuỷ lợi đến Đồng Nính	2016	173.363	68.892	2.412	2.412	0	0	2.412
Nhà văn hoá và khu thể thao thôn Bàn Nham Bắc, xã Hoà Xuân Tây	2016	1.135.665	113.566	2.000	2.000	0	0	2.000
2. Công trình khởi công mới								

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HOÀ XUÂN TÂY

Biểu số 120/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**36.000**	**36.000**	**0**	**41.850**	**89.500**	**-47.650**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	36.000	36.000	0	41.850	89.500	-47.650
- Quỹ an ninh quốc phòng	0	0	0	0	0	0
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	0	0	0	0	50.000	-50.000
- Quỹ vì người nghèo	36.000	36.000	0	41.850	39.500	2.350
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi; Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi là do sử dụng nguồn tồn năm trước chuyển sang